

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ THÔNG TIN DI ĐỘNG MẠT ĐẤT VIETNAMOBILE (HÌNH THỨC THANH TOÁN TRẢ SAU)

Hợp đồng số:
Mã khách hàng:

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;
Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24/11/2023;
Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/06/2023;
Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;
Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/05/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
Căn cứ Nghị định 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;
Căn cứ Thông tư số 42/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công thương ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

Hôm nay, ngày tháng năm , tại..... các bên gồm:

I. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (Gọi tắt là Khách hàng hoặc Bên A):

1. Thông tin Khách hàng (trong trường hợp Khách hàng là cá nhân):

- Chủ thuê bao (Viết in hoa):.....
- Số ĐDCN/ĐDDT/Hộ chiếu¹:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Địa chỉ theo CCCD/Căn cước/Hộ chiếu²: (Số nhà/đường/phố/xã phường, tỉnh/thành phố):.....
- Quốc tịch: ☐ Việt Nam; ☐ Nước ngoài:(Tên quốc gia cấp hộ chiếu)

2. Thông tin khách hàng (trong trường hợp Khách hàng là tổ chức):

- Tên cơ quan/tổ chức (Viết in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Số QĐTL/GCNĐKKD&ĐKĐT/GPĐT/GCNĐKDN³:.....
- Nơi cấp/Đơn vị cấp:.....Ngày cấp:.....
- Người đại diện/ủy quyền:..... Chức vụ:.....
- (Giấy ủy quyền số:.....ngày.....tháng.....năm.....)
- Số ĐDCN/ĐDDT /Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Quốc tịch: ☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài:(Tên quốc gia cấp hộ chiếu)
- Mã số thuế của Khách hàngNơi cấp:.....

¹ Số Định danh cá nhân/Định danh điện tử/Hộ chiếu

² Địa chỉ trên giấy tờ để đăng ký thông tin thuê bao

³ Số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký đầu tư/Giấy phép kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh pháp nhân khác

II. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (Gọi tắt là Bên B hoặc Vietnamobile):

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG DI ĐỘNG VIETNAMOBILE

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông: Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Vietnamobile.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0107429715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 12/5/2016

Địa chỉ:

Điện thoại: (024) 35730123

Thư điện tử: cskh@vietnamobile.com.vn

Website: <http://www.vietnamobile.com.vn>

Tài khoản số: 002-606606-901

Tên người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Vietnamobile

Tại: Ngân hàng HSBC, chi nhánh Hà Nội

Mã số thuế: 0107429715

2. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông:.....

- Họ tên nhân viên giao dịch:

- Địa chỉ điểm giao dịch:.....

- Số điện thoại của điểm giao dịch:.....

- Thời gian thực hiện đăng ký thông tin thuê bao:

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất Vietnamobile (hình thức thanh toán trả sau) (“**Hợp đồng**”) với các điều khoản sau:

III. DỊCH VỤ CUNG CẤP⁴ VÀ THÔNG TIN CÁ NHÂN SỬ DỤNG SỐ THUÊ BAO

1. Thông tin về loại hình dịch vụ: Bên B cung cấp cho Bên A dịch vụ thông tin di động mặt đất (Hình thức thanh toán: trả sau) (“**Dịch vụ**”).

2. Danh sách thuê bao đăng ký sử dụng Dịch vụ trong trường hợp Khách hàng là cá nhân:

TT	Số thuê bao	Số sê-ri SIM	Ngày hòa mạng
1			
2			
3			
...			

3. Danh sách thuê bao đăng ký sử dụng Dịch vụ trong trường hợp Khách hàng là tổ chức: Chi tiết tại Biểu mẫu 01 đính kèm.

4. Dịch vụ đăng ký:

4.1. Các dịch vụ mặc định:

☐ Thoại, Hiện thị số thuê bao chủ gọi, Chuyển tiếp cuộc gọi, Chờ cuộc gọi, Cuộc gọi hội nghị

☐ Nhắn tin ngắn trong nước ☐ Nhắn tin ngắn quốc tế ☐ Gọi khẩn cấp ☐ Nhắn tin đa phương tiện ☐ GPRS

4.2 Các dịch vụ đăng ký: ☐ In bảng kê chi tiết cước

☐ Gọi quốc tế ☐ Chuyển vùng quốc tế ☐ Hộp thư thoại ☐ Nhạc chuông chờ ☐ Dữ liệu linh hoạt

5. Giá dịch vụ: Giá sử dụng Dịch vụ được áp dụng là Giá theo từng sản phẩm do Bên B công bố trên website của Vietnamobile và thông báo với Cơ quan quản lý Nhà nước và có thể sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm, phù hợp với các quy định pháp luật về giá viễn thông và được thông báo trước cho Bên A⁵. Trong trường hợp Bên A không đồng ý với giá mới, Bên A có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng như quy định tại Hợp đồng này.

6. Thông tin về hình thức thanh toán giá dịch vụ và tạm ứng cho giá dịch vụ sử dụng:

Thuê bao đại diện:.....

6.1. Hình thức thanh toán giá dịch vụ:

⁴ Các thông tin bỏ trống tại phần này do hai bên thỏa thuận điền cụ thể khi ký kết hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

⁵ Theo khuyến nghị của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia là 05 ngày làm việc.

Bên A thanh toán giá dịch vụ theo một (hoặc nhiều) hình thức dưới đây⁶:

- (i) Chuyển khoản vào tài khoản của Bên B theo thông tin tại Phần II.1 bên trên;
- (ii) Thanh toán tiền mặt trực tiếp tại các cửa hàng của Bên B⁷;
- (iii) Thanh toán bằng thẻ cào điện tử (airtime);
- (iv) Thanh toán bằng thẻ cào vật lý;
- (v) Thanh toán qua các ứng dụng ngân hàng hoặc ví điện tử.

6.2. Hạn mức tạm ứng: Bên B đồng ý ứng trước cho Bên A giá sử dụng dịch vụ điện thoại di động hàng tháng của một thuê bao là:.....

Số tiền tương ứng với mức giá đăng ký sử dụng hàng tháng của Bên A.

Bên A chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá dịch vụ nợ kể cả phần giá dịch vụ sử dụng vượt hạn mức do Bên B ứng trước và các phí dịch vụ khác do Bên A sử dụng (nếu có) như quy định tại Hợp đồng.

6.3. Ngày hòa mạng sử dụng Dịch vụ và bắt đầu tính cước của Bên A là ngày ký Hợp đồng và các biên bản liên quan kèm theo (nếu có).

6.4. Bên A cam kết thanh toán giá dịch vụ trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán cước của Bên B (hình thức thông báo qua tin nhắn hoặc thư điện tử hoặc thư chuyển phát). Quá thời hạn đó, Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp Dịch vụ.

7. Thông tin về chất lượng Dịch vụ;

Bên B đảm bảo chất lượng Dịch vụ cung cấp cho Bên A theo đúng chất lượng Dịch vụ mà doanh nghiệp công bố (Bảng Công bố chất lượng dịch vụ của Bên B được niêm yết tại cửa hàng, trên website: www.vietnamobile.com.vn và được cung cấp cho Bên A khi ký kết Hợp đồng).

8. Tạm ngừng cung cấp Dịch vụ chiều gọi đi hoặc hai chiều:

8.1. Tạm ngừng cung cấp Dịch vụ theo yêu cầu của Bên A:

(a) Bên A có quyền yêu cầu tạm ngừng cung cấp Dịch vụ chiều gọi đi trong thời gian tối đa 30 (ba mươi) ngày liên tục. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên A chưa làm thủ tục hủy bỏ yêu cầu tạm ngừng Dịch vụ, Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp Dịch vụ hai chiều số thuê bao của Bên A như trong trường hợp quy định tại khoản (b) điều này sau khi đã thông báo cho Bên A trước 03 ngày làm việc. Trong mọi trường hợp để yêu cầu chuyển từ ngừng cung cấp Dịch vụ 2 chiều hoặc ngừng cung cấp Dịch vụ 1 chiều sang hoạt động 2 chiều, Bên A phải thanh toán hết cước đã sử dụng.

(b) Bên A có quyền yêu cầu tạm ngừng cung cấp Dịch vụ hai chiều trong thời hạn tối đa 62 (sáu mươi hai) ngày liên tục. Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên A chưa làm thủ tục hủy bỏ yêu cầu tạm ngừng cung cấp Dịch vụ hai chiều, Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng.

8.2. Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp Dịch vụ chiều gọi đi nếu Bên A chưa thanh toán theo Hợp đồng. Sau 30 ngày kể từ ngày chặn chiều gọi đi, nếu Bên A vẫn chưa thanh toán, Bên B có quyền ngừng cung cấp Dịch vụ hai chiều sau khi đã thông báo cho Bên A trước 03 ngày làm việc. Sau 62 ngày kể từ ngày ngừng cung cấp Dịch vụ hai chiều, nếu Bên A vẫn chưa thanh toán, Bên B có quyền chấm dứt ngay Hợp đồng, thu hồi số thuê bao và cung cấp cho khách hàng khác. Trong thời gian bị ngừng cung cấp Dịch vụ chiều đi, Bên A có trách nhiệm thanh toán cước thuê bao tháng như đã sử dụng và các khoản phí, giá cho phần Dịch vụ mình đã sử dụng đến ngày bị ngừng Dịch vụ hai chiều.

9. Chấm dứt Hợp đồng

9.1. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi không có nhu cầu tiếp tục sử dụng Dịch vụ sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Bên B trước 30 ngày và thanh toán đầy đủ cho Bên B cho phần dịch vụ mình đã sử dụng.

9.2. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

⁶ Bên B chỉ xuất hóa đơn cho các hình thức thanh toán được quy định tại điểm (i), (ii). Các hình thức thanh toán còn lại Khách hàng yêu cầu các đơn vị cung cấp trực tiếp xuất hóa đơn.

⁷ Các cửa hàng của Bên B bao gồm: (a) 203 Xã Đàn, Hà Nội; (b) 98 Tôn Thất Tùng (135 Sương Nguyệt Ánh), thành phố Hồ Chí Minh; (c) 150 Hàm Nghi, Đà Nẵng.

- (a) Bên A vi phạm điều khoản của Hợp đồng này mà không khắc phục trong vòng ngày;
- (b) Quá thời hạn 62 (sáu mươi hai) ngày ngừng cung cấp Dịch vụ 2 chiều quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này nhưng Bên A chưa làm thủ tục hủy bỏ yêu cầu tạm ngừng cung cấp Dịch vụ hoặc thanh toán đủ phí Dịch vụ.
- (c) Có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật;
- (d) Theo quy định tại Khoản d, Điều 2.1, Phần IV của Hợp đồng này.

Trong mọi trường hợp chấm dứt Hợp đồng, Bên B có quyền thu hồi số thuê bao viễn thông và cung cấp cho khách hàng khác.

10. Các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm: Không có dịch vụ giá trị gia tăng có sẵn khi kích hoạt Dịch vụ.

IV. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

1.1. Bên A có quyền:

- (a) Được quyền yêu cầu Bên B cung cấp thông tin liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ và các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm;
- (b) Sử dụng Dịch vụ theo chất lượng và giá Dịch vụ trong Hợp đồng;
- (c) Từ chối sử dụng một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ theo Hợp đồng;
- (d) Khiếu nại về giá Dịch vụ, chất lượng Dịch vụ; được hoàn trả giá Dịch vụ và bồi thường thiệt hại trực tiếp khác do lỗi của Bên B hoặc đại lý dịch vụ viễn thông của Bên B;
- (e) Được quyền đảm bảo bí mật các thông tin riêng được ghi trong Hợp đồng.

1.2. Bên A có nghĩa vụ:

- (a) Cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan trong Hợp đồng. Khi thay đổi các thông tin trong Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên B bằng văn bản;
- (b) Tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Hợp đồng và các Phụ lục, Biểu mẫu/Phiếu yêu cầu về sử dụng điện thoại di động, thẻ SIM, không bán Dịch vụ dưới bất kỳ hình thức nào; Không sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông của Bên B để kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- (c) Thanh toán cước phí sử dụng đầy đủ và đúng hạn theo các điều khoản của Hợp đồng, các thông báo cước do Bên B phát hành phù hợp với quy định của Hợp đồng và các quy định pháp luật có liên quan;
- (d) Trong trường hợp mất thẻ SIM, Bên A phải thông báo ngay đến số máy 0922 789 789 cung cấp chính xác tên chủ thuê bao và yêu cầu tạm ngừng cung cấp Dịch vụ. Trong vòng 03 ngày kể từ ngày thông báo tạm ngừng cung cấp Dịch vụ khẩn cấp nêu trên, Bên A có trách nhiệm thanh toán cước và chi phí phát sinh đến thời điểm chính thức thông báo tạm ngừng Dịch vụ;
- (e) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề có liên quan đến Hợp đồng và việc sử dụng dịch vụ;
- (f) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin truyền, đưa, lưu trữ trên mạng viễn thông; tự bảo vệ các thông tin cá nhân và thông tin sử dụng Dịch vụ.
- (g) Bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi của mình gây ra cho Bên B, đại lý của Bên B.

2. Quyền và nghĩa vụ Bên B:

2.1. Bên B có quyền:

- (a) Quyết định chấp nhận hoặc từ chối cung cấp Dịch vụ theo quy định của Hợp đồng hoặc khi có yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền;
- (b) Nhận thanh toán đầy đủ và đúng hạn cước phí Dịch vụ từ Bên A theo Hợp đồng;
- (c) Trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thay đổi số thuê bao của Bên A sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 60 ngày;
- (d) Đơn phương chấm dứt cung cấp Dịch vụ với các thuê bao khi các thuê bao không cập nhật, điều chỉnh hoặc không thực hiện lại việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 của Nghị định 163/2024/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 24/12/2024 (*), được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời kỳ và Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý. Trường hợp này, Bên A vẫn phải thanh toán cho Bên B cước phát sinh hoặc còn tồn đọng (nếu có) tính tới thời điểm chấm dứt Hợp đồng và thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Bên B (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng;

- (e) Tạm ngừng cung cấp một phần hay toàn bộ Dịch vụ theo đúng quy định tại Hợp đồng này hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
- (f) Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin cần thiết như quy định tại Hợp đồng.

2.2. Bên B có nghĩa vụ:

- (a) Đảm bảo chất lượng Dịch vụ cung cấp cho khách hàng theo đúng chất lượng Dịch vụ đã công bố, ngoại trừ các trường hợp Bất khả kháng nằm ngoài tầm kiểm soát của Bên B theo quy định của pháp luật;
- (c) Đảm bảo bí mật thông tin của Bên A, chỉ được chuyển giao thông tin cho bên thứ ba khi có được sự đồng ý của Bên A, trừ các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
- (d) Thông báo cho Bên A trong trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông ít nhất 30 ngày trước khi chính thức ngừng kinh doanh;
- (e) Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, không được yêu cầu Bên A thanh toán bất kỳ khoản tiền nào trước khi Dịch vụ được cung cấp đến Bên A;
- (f) Không được đơn phương chấm dứt Hợp đồng, ngừng cung cấp Dịch vụ mà không có lý do chính đáng. Trường hợp cần sửa chữa, bảo trì hoặc vì lý do nào khác bắt buộc phải ngừng cung cấp Dịch vụ, Bên B phải thông báo trước cho Bên A chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày dừng cung cấp Dịch vụ;
- (g) Bên B phải thường xuyên kiểm tra chất lượng Dịch vụ mà mình cung cấp, đảm bảo chất lượng Dịch vụ như đã cam kết với Bên A;
- (h) Trường hợp Bên A thông báo sự cố hoặc khiếu nại về chất lượng Dịch vụ, Bên B phải kịp thời kiểm tra, giải quyết;
- (i) Giải quyết các khiếu nại của khách hàng theo thời hạn quy định của pháp luật;
- (j) Bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi của Bên B hoặc đại lý của Bên B gây ra cho Bên A;
- (k) Không được từ chối giao kết hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên A, trừ các trường hợp được quy định tại Luật Viễn thông.

V. SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hỏa hoạn, các thay đổi của quy định pháp luật, quyết định của cơ quan Nhà nước, hệ thống thiết bị của Vietnamobile gặp sự cố kỹ thuật trong quá trình vận hành khai thác hoặc do hạn chế về khả năng kỹ thuật các hệ thống thiết bị (“**Bất khả kháng**”).

Khi Bất khả kháng xảy ra liên tục trong vòng 01 tháng mà không chấm dứt, bên không bị ảnh hưởng bởi Bất khả kháng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên bị ảnh hưởng 15 ngày trước khi chấm dứt. Các bên sẽ phải hoàn thành nốt các nghĩa vụ của mình đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

VI. THÔNG TIN HỖ TRỢ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC, KHIẾU NẠI CỦA KHÁCH HÀNG

Bộ phận chăm sóc khách hàng của Vietnamobile sẽ hỗ trợ, giải đáp mọi thắc mắc và khiếu nại của Khách hàng thông qua tổng đài 0922 789 789 hoặc cửa hàng của Vietnamobile.

VII. ĐẢM BẢO BÍ MẬT THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG

Vietnamobile đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng và áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật để bảo vệ dữ liệu của Khách hàng. Vietnamobile không thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin Khách hàng cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý của Khách hàng trừ các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

VIII. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Tất cả những sửa đổi của Hợp đồng phải được lập thành văn bản.
2. Nếu các văn bản nêu trong phần căn cứ được sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ thì các quy định liên quan trong Hợp đồng này cũng được thay đổi tương ứng.
3. Phương thức giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên. Nếu việc giải quyết không đạt được bằng thương lượng, hòa giải thì một trong các bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội.

4. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Mỗi bên giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)


VÔ DUY NHẬT

**ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
GIAO DỊCH VIÊN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

(*) Nội dung của Khoản 1 Điều 25 của Nghị định 163/2024/NĐ-CP “

Khi rà soát, phát hiện hoặc khi nhận được văn bản thông báo của cơ quan quản lý nhà nước về thuê bao di động mặt đất có thông tin thuê bao không đúng quy định, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất có trách nhiệm thông báo liên tục trong vòng 05 ngày, mỗi ngày ít nhất một lần yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện lại việc giao kết hợp đồng theo quy định. Trường hợp cá nhân, tổ chức không thực hiện theo yêu cầu, tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông một chiều (chỉ nhận được cuộc gọi đến) sau 15 ngày kể từ ngày đầu tiên gửi thông báo, đồng thời thông báo thuê bao sẽ bị tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông hai chiều sau 15 ngày tiếp theo nếu không thực hiện; tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông hai chiều sau 15 ngày kể từ ngày tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông một chiều, đồng thời thông báo thuê bao sẽ bị thanh lý hợp đồng, chấm dứt cung cấp dịch vụ viễn thông nếu không thực hiện; thanh lý hợp đồng, chấm dứt cung cấp dịch vụ viễn thông sau 05 ngày kể từ ngày tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông hai chiều nếu cá nhân, tổ chức không thực hiện. Trong từng thời kỳ, khi cần thiết, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc xử lý thuê bao có thông tin thuê bao di động mặt đất không đúng quy định.””